

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI ASV VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI ASV VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ASV VIETNAM TRADING AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ASV INVES CO

2. Mã số doanh nghiệp: 0107756430

3. Ngày thành lập: 10/03/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 1, tòa nhà N08A1, đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904 297 399

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
2.	Bốc xếp hàng hóa	5224
3.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại Chi tiết: Sản xuất thiết bị dây dẫn không mang điện bằng nhựa bao gồm cáp điện nhựa, hộp đựng mối nối hai mạch điện bằng nhựa, bàn rà, máy nối cực bằng nhựa và các thiết bị tương tự.	2733
4.	Tái chế phế liệu Chi tiết: - Phân loại và tổng hợp nhựa để sản xuất các nguyên liệu thô mới như làm ống, lọ hoa, bảng màu và những thứ tương tự; - Xử lý (làm sạch, nóng chảy, nghiền) rác thải bằng nhựa hoặc cao su để nghiền thành hạt nhỏ;	3830
5.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật Chi tiết: Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp;	7210
6.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
7.	Bán buôn tổng hợp	4690
8.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
9.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
10.	Bán buôn đồ uống	4633
11.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
12.	Bán buôn thực phẩm	4632
13.	Bán buôn gạo	4631
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222

15.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
16.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
17.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
18.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
20.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
21.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
22.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hóa chất công nghiệp: nhựa tổng hợp; - Bán buôn các sản phẩm nhựa, nguyên liệu từ nhựa; - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp	4669(Chính)
23.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
24.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
25.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
26.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
27.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
28.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
29.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
30.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
31.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: + Các nhà máy lọc dầu, + Các xưởng hoá chất, - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... + Đập và đê.	4290
32.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
33.	Vận tải bằng xe buýt	4920
34.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
35.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
36.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
37.	Trồng cây ăn quả	0121
38.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
39.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
40.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210

41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
42.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
43.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
44.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
45.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
46.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp;	7730
47.	Vận tải đường ống	4940
48.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
50.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	5229

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN NGỌC TIẾN	Thôn Tân Đệ, Xã Tân Lập, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	250.000	2.500.000.000	25,000	151217034	
			Tổng số	250.000	2.500.000.000	25,000		
2	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Số 29, ngách 28/34 Điện Biên Phủ, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	250.000	2.500.000.000	25,000	012524605	
			Tổng số	250.000	2.500.000.000	25,000		

3	TRẦN QUỐC BÌNH	Số nhà 6, ngõ 264/47/6, đường Ngọc Thụy, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	20,000	031077001585	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	20,000		
4	HOÀNG THỊ HỒNG	Trường Kỹ thuật nghiệp vụ Đường Bộ Miền Bắc, thôn Gia Lập, Xã Kiêu Ky, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	10,000	N1443338	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	10,000		
5	NGUYỄN TIẾN ANH	Số 30, ngõ 127 Đốc Ngừ, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	10,000	013580218	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	10,000		
6	PHÙNG NGỌC HỒNG	K9 - N14 - P106, TT Biên Phòng, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	10,000	001078008513	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN QUỐC BÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 03/12/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 031077001585

Ngày cấp: 13/10/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 6, ngõ 264/47/6, đường Ngọc Thụy, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 6, ngõ 264/47/6, đường Ngọc Thụy, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội